

DỰ THẢO 2

09.04.2025

THÔNG TƯ

Ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới; không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 4. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.
- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong thông

tư này được bổ sung, sửa đổi nhưng không làm thay đổi nội dung công việc cơ bản thì tiếp tục áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp phát sinh dịch vụ chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, nếu dịch vụ phát sinh có nội dung công việc cơ bản tương tự với mã định mức kinh tế - kỹ thuật nào ban hành kèm theo Thông tư này thì áp dụng theo mã định mức kinh tế - kỹ thuật tương ứng.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban An toàn Giao thông quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHCNMT \$VLXD (03).

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM AN
TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XE CƠ
GIỚI VÀ PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng*

TT	Mã công việc	Tên gọi chi tiết	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
1	TNTO.01	Thử nghiệm xe ô tô, ô tô khách thành phố, ô tô khách thành phố cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng	Thử nghiệm theo Quy chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, số hiệu QCVN 09:2024/BGTVT; Quy chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc, số hiệu QCVN 10:2024/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng, số hiệu QCVN 82:2024/BGTVT
2	TNTO.02	Thử nghiệm rơ moóc, sơ mi rơ moóc	Thử nghiệm theo Quy chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc, số hiệu QCVN 11:2024/BGTVT
3	TNTX.01	Thử nghiệm xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN 14:2024/BGTVT
4	TNTX.03	Thử nghiệm xe chở người, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, số hiệu QCVN 118:2024/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ,

TT	Mã công việc	Tên gọi chi tiết	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
			số hiệu, QCVN 119:2024/BGTVT.
5	TNPO.01	Thử nghiệm đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số hiệu QCVN 125:2024/BGTVT
6	TNPO.02	Thử nghiệm gương dùng cho xe ô tô	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương dùng cho xe ô tô, số hiệu QCVN 33:2024/BGTVT
7	TNPO.03	Thử nghiệm kính an toàn của xe ô tô	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kính an toàn của xe ô tô, số hiệu QCVN 32:2024/BGTVT
8	TNPO.04	Thử nghiệm lớp hơi dùng cho ô tô	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lớp hơi dùng cho ô tô, số hiệu QCVN 34:2024/BGTVT
9	TNPO.05	Thử nghiệm thùng nhiên liệu xe ô tô	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới, số hiệu QCVN 52:2024/BGTVT
10	TNPO.06	Thử nghiệm vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới, số hiệu QCVN 53:2024/BGTVT
11	TNPO.07	Thử nghiệm vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô, số hiệu QCVN 78:2024/BGTVT
12	TNPX.01	Thử nghiệm động cơ xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN 37:2024/BGTVT
13	TNPX.02	Thử nghiệm khung xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khung xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN 124:2024/BGTVT
14	TNPX.03	Thử nghiệm gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN

TT	Mã công việc	Tên gọi chi tiết	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
			28:2024/BGTVT
15	TNPX.04	Thử nghiệm vành bánh xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử vành bánh xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN 113:2024/BGTVT
16	TNPX.05	Thử nghiệm ắc quy chì- a xít, lithium- ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy chì - axit, lithium - ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN 47:2024/BGTVT
17	TNPX.06	Thử nghiệm lớp hơi xe mô tô, xe gắn máy	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lớp hơi dùng cho xe mô tô, xe gắn máy, số hiệu QCVN 36:2024/BGTVT
18	TNPX.07	Thử nghiệm động cơ xe mô tô điện, xe gắn máy điện	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện, số hiệu QCVN 90:2024/BGTVT
19	TNPX.08	Thử nghiệm ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện	Thử nghiệm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện, số hiệu QCVN 91:2024/BGTVT

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM AN
TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XE CƠ
GIỚI VÀ PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Cơ sở xây dựng định mức

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;
- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;
- Thông tư 29/2022/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải;
- Thông tư 48/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới; xe máy chuyên dùng; phụ tùng xe cơ giới; thiết bị an toàn cho trẻ em;
- Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ giao thông vận tải;
- Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an

toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ giao thông vận tải;

- Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam;

- Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

- Quyết định số: 12/QĐ-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Quyết định số: 1537/QĐ-ĐKVN ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới,

- Các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 09:2024/BGTVT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô;

QCVN 10:2024/BGTVT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc;

QCVN 82:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

QCVN 14:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy;

QCVN 118:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;

QCVN 119:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ;

QCVN 125:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

QCVN 33:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương dùng cho xe ô tô;

QCVN 32:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kính an toàn

của xe ô tô;

QCVN 34:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lớp hơi dùng cho ô tô;

QCVN 52:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới;

QCVN 53:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới;

QCVN 78:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô;

QCVN 37:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy

QCVN 124:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khung xe mô tô, xe gắn máy;

QCVN 28:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy;

QCVN 113:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử vành bánh xe mô tô, xe gắn máy;

QCVN 47:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy chì - axit, lithium - ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy;

QCVN 36:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lớp hơi dùng cho xe mô tô, xe gắn máy;

QCVN 90:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện;

QCVN 91:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện,

- Các văn bản, quy định hiện hành khác có liên quan:

+ Quyết định số: 2403/QĐ-ĐKVN ngày 20/11/2023 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thử nghiệm an toàn phương tiện và thiết bị;

+ QT-VMTC-01 Quy trình thử nghiệm linh kiện, thiết bị phương tiện giao thông vận tải và các sản phẩm khác,

- Các phiếu khảo sát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới (19 mã định mức, 06 phiếu cho một mã định mức).

2. Giải thích từ ngữ

Trong Định mức này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Định mức hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động: Quy định mức hao phí các loại vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động để hoàn thành một hồ sơ đăng ký thử nghiệm. Định mức hao phí này bao gồm hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động chính và hao phí vật liệu khác.

2.2. Định mức hao phí nhân công: Quy định mức hao phí nhân công để hoàn thành một hồ sơ đăng ký thử nghiệm. Định mức hao phí này bao gồm hao phí nhân công trực tiếp và hao phí nhân công gián tiếp.

2.3. Định mức hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị: Quy định mức hao phí các loại phương tiện, máy móc, thiết bị cần thiết để hoàn thành một hồ sơ đăng ký thử nghiệm.

2.4. Định mức hao phí khác là các hao phí phục vụ duy trì hoạt động thường xuyên (bảo dưỡng, sửa chữa...) của phương tiện, máy móc, thiết bị, đảm bảo điều kiện thử nghiệm (tải trọng thử nghiệm, đường thử, vận chuyển mẫu thử đến địa điểm thử nghiệm...), hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo và các hoạt động cần thiết khác nhằm đảm bảo công tác thử nghiệm theo đúng quy định của pháp luật và các quy định kỹ thuật có liên quan để hoàn thành một hồ sơ đăng ký thử nghiệm.

3. Nội dung định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới quy định mức hao phí cần thiết về Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động; Nhân công; Phương tiện, máy móc, thiết bị; Hao phí khác để hoàn thành công tác thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới.

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới được xác định trên cơ sở các quy định về thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới.

3.3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới bao gồm: mã hiệu định mức, tên định mức, thành phần công việc và bảng các hao phí trong đó bao gồm: Hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động; Hao phí nhân công; Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị; Hao phí khác.

4. Hướng dẫn áp dụng định mức

4.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới được áp dụng để làm cơ sở xây dựng và phê duyệt giá tối đa theo quy định của pháp luật về giá đối với dịch vụ thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới.

4.2. Định mức không bao gồm hao phí vật liệu khác. Hao phí vật liệu khác bao gồm các hao phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động có giá trị hao phí nhỏ như mực photo giấy, bút, sổ, file, tủ lưu hồ sơ, trang bị bảo hộ lao động, dụng cụ, phụ tùng, vật tư tiêu hao khi sử dụng... trong thành phần hao phí của hao phí về vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động.

4.3. Hao phí nhân công trực tiếp bao gồm các hao phí đối với lãnh đạo đơn vị, phụ trách bộ phận, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ; không bao gồm hao phí nhân công trực tiếp thiết bị khi đang hoạt động.

4.4. Định mức này không bao gồm hao phí nhân công gián tiếp. Hao phí nhân công gián tiếp bao gồm các hao phí đối với kế toán, lái xe, người hỗ trợ, tạp vụ, vệ sinh, bảo vệ.

4.5. Hao phí khác là một phần của cơ sở để xây dựng phương án giá thử nghiệm đối với các sản phẩm cụ thể.

5. Danh mục định mức

TT	Mã hiệu định mức	Tên định mức kinh tế - kỹ thuật
1	TNTO.01	Thử nghiệm xe ô tô, ô tô khách thành phố, ô tô khách thành phố cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng
2	TNTO.02	Thử nghiệm các loại rơ moóc, sơ mi rơ moóc
3	TNTX.01	Thử nghiệm xe mô tô, xe gắn máy
4	TNTX.03	Thử nghiệm xe chở người, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

5	TNPO.01	Thử nghiệm đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
6	TNPO.02	Thử nghiệm gương dùng cho xe ô tô
7	TNPO.03	Thử nghiệm kính an toàn của xe ô tô
8	TNPO.04	Thử nghiệm lớp hơi dùng cho ô tô
9	TNPO.05	Thử nghiệm thùng nhiên liệu xe ô tô
10	TNPO.06	Thử nghiệm vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới
11	TNPO.07	Thử nghiệm vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô
12	TNPX.01	Thử nghiệm động cơ xe mô tô, xe gắn máy
13	TNPX.02	Thử nghiệm khung xe mô tô, xe gắn máy
14	TNPX.03	Thử nghiệm gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy
15	TNPX.04	Thử nghiệm vành bánh xe mô tô, xe gắn máy
16	TNPX.05	Thử nghiệm ắc quy chì- a xít, lithium- ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy
17	TNPX.06	Thử nghiệm lớp hơi xe mô tô, xe gắn máy
18	TNPX.07	Thử nghiệm động cơ xe mô tô điện, xe gắn máy điện
19	TNPX.08	Thử nghiệm ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện

Chương II

NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Công tác thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới cho một hồ sơ đăng ký thử nghiệm được thực hiện theo các bước mô tả quá trình thử nghiệm xe cơ giới và phụ tùng xe cơ giới như sau:

1. Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử

- Xem xét, kiểm tra, tiếp nhận tài liệu đăng ký thử nghiệm và mẫu thử theo quy định.
- Thông báo cho khách hàng về kết quả chấp nhận đăng ký thử nghiệm.
- Hoàn trả tài liệu đăng ký thử nghiệm, mẫu thử cho khách hàng trong trường hợp đăng ký thử nghiệm không được chấp nhận.
- Lập Phiếu tiếp nhận đăng ký thử nghiệm theo quy định và trình Lãnh đạo đơn vị xem xét, ký chấp nhận đăng ký thử nghiệm.
- Bảo quản hồ sơ đăng ký thử nghiệm và mẫu thử cho tới khi bàn giao cho đăng kiểm viên thử nghiệm.
- Thu tiền (giá) dịch vụ thử nghiệm theo quy định.
- Xem xét, ký chấp nhận đăng ký thử nghiệm.
- Kiểm soát việc thu tiền (giá) dịch vụ thử nghiệm, xác nhận tiền Phiếu tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và cấp phát chứng từ tài chính theo quy định.

2. Chuẩn bị thử nghiệm

Bước chuẩn bị thử nghiệm được tiến hành theo các quy định của các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan và tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thử nghiệm đối với từng sản phẩm thử nghiệm tương ứng.

Bước chuẩn bị thử nghiệm bao gồm các bước cơ bản như sau:

2.1 Kiểm tra hồ sơ và mẫu thử:

- Kiểm tra sự phù hợp của mẫu thử được tiếp nhận với hồ sơ đăng ký thử nghiệm về các thông tin cơ bản của sản phẩm.
- Ghi thông tin nhận dạng trên mẫu thử theo quy định.
- Chụp ảnh mẫu thử đưa vào Báo cáo thử nghiệm và lưu trữ theo quy định.

2.2 Chuẩn bị mẫu thử nghiệm:

- Mẫu thử cần được thuần hóa, chuẩn bị trước khi được tiến hành thử nghiệm. Chi tiết công việc được mô tả tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ tương ứng.

2.3. Chuẩn bị thiết bị và dụng cụ thử nghiệm:

- Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thử nghiệm tương ứng theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ tương ứng.
- Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, các vật tư, đồ gá đi kèm.
- Trang bị bảo hộ lao động như mũ, quần áo bảo hộ, găng tay, kính, bít tai.

2.4. Chuẩn bị điều kiện môi trường thử nghiệm (nếu cần):

- Đối với các phép thử mà quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật có những yêu cầu cụ thể thì phải tuân theo các yêu cầu tương ứng của quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật.

3. Tiến hành thử nghiệm

- Việc thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với sản phẩm bao gồm các hạng mục thử nghiệm chính theo quy chuẩn kỹ thuật được mô tả trong quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ tương ứng.
- Ghi chép kết quả kiểm tra, thử nghiệm (dữ liệu quan trắc gốc) vào biểu mẫu Biên bản/Kết quả kiểm tra, thử nghiệm theo quy định.

4. Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm

Căn cứ trên kết quả kiểm tra, thử nghiệm (dữ liệu quan trắc gốc) thu được khi thực hiện các bước thử nghiệm tại bước trên, so sánh kết quả với các yêu cầu kỹ thuật để đánh giá kết quả thử nghiệm. Tiến hành nhập kết quả vào file báo cáo thử nghiệm với các nội dung cụ thể như sau:

- Nhập các thông tin theo đăng ký của cơ sở đăng ký thử nghiệm; kết quả kiểm tra, thử nghiệm (dữ liệu quan trắc gốc); đánh giá kết quả, kiểm tra thử nghiệm theo quy định; Tính toán và đánh giá kết quả thử nghiệm theo quy định
- Rà soát dự thảo và lập báo cáo thử nghiệm.
- Soát xét báo cáo thử nghiệm
- Xem xét, ký soát xét dự thảo báo cáo thử nghiệm.
- Xem xét, phê duyệt báo cáo thử nghiệm.

5. Trả báo cáo thử nghiệm, mẫu thử và lưu Hồ sơ đăng kiểm

- Bàn giao mẫu thử và trả lại cho khách hàng theo quy định.
- Kiểm tra việc thu tiền (giá) dịch vụ thử nghiệm và cấp phát hóa đơn tài chính theo quy định.
- Đóng dấu và cấp phát báo cáo thử nghiệm.

- Lưu trữ Hồ sơ đăng kiểm theo quy định.

Chương III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

TNTO.01 Thử nghiệm xe ô tô, ô tô khách thành phố, ô tô khách thành phố cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNTO.01	Thử nghiệm xe ô tô, ô tô khách thành phố, ô tô khách thành phố cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	9
		Mực in	hộp	0,0387
		Mực photo	hộp	0,0127
		Giấy A4	tờ	77
		Bút	cái	0,18
		Pin thay thế định kỳ	cái	0,0278
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0185
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0093
		Dụng cụ đo áp suất	cái	0,0046
		Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	cái	0,0139
		Mề đo dao động	cái	0,0185
		Chân máy đo độ ồn (âm lượng còi)	cái	0,0046
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,1375
		Đăng kiểm viên	công	3,7438
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Cân điện tử	ca	0,75
		Thiết bị đo dao động + laptop	ca	0,125
		Máy đo độ ồn	ca	0,0938
		Thiết bị thử phanh	ca	0,0938
		Thiết bị thử góc lật ngang tĩnh	ca	0,375
		Thiết bị thử an toàn chung ô tô	ca	0,6313
		Thiết bị thử đèn pha	ca	0,0313
		Thiết bị đo trượt ngang	ca	0,0625

		Hao phí khác		
--	--	---------------------	--	--

TNTO.02 Thử nghiệm các loại rơ moóc, sơ mi rơ moóc*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNTO.02	Thử nghiệm các loại rơ moóc, sơ mi rơ moóc	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Mực in	hộp	0,0387
		Mực photo	hộp	0,0127
		Giấy A4	tờ	77
		Bút	cái	0,18
		Pin thay thế định kỳ	cái	0,041
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0137
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0068
		Dụng cụ đo áp suất	cái	0,0034
		Mề đo dao động	cái	0,0137
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,1375
		Đăng kiểm viên	công	2,3
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Cân điện tử	ca	2,25
		Thiết bị đo dao động + laptop	ca	0,125
		Thiết bị thử phanh	ca	0,0938
		Thiết bị thử an toàn chung ô tô	ca	0,25
		Hao phí khác		

TNTX.01 Thử nghiệm xe mô tô, xe gắn máy*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNTX.01	Thử nghiệm xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Dầu đi-ê-zen	lít	6,4
		Mực in	hộp	0,0313
		Mực photo	hộp	0,0073
		Giấy A4	tờ	58
		Bảo hộ chuyên dụng chạy thử xe	bộ	0,002
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,008
		Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	cái	0,006
		Dụng cụ đo điện áp, điện trở, dòng điện	cái	0,002
		Màn đo ánh sáng	cái	0,002
		Thiết bị đo tốc độ động cơ DET-610R	cái	0,002
		Thước đo góc	cái	0,002
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,1375
		Đăng kiểm viên	công	2,7938
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử phanh và kiểm tra đồng hồ tốc độ	ca	0,0375
		Thiết bị kiểm tra đèn pha	ca	0,0625
		Phòng thử nghiệm đèn HT3100	ca	0,25
		Hao phí khác		

TNTX.03 Thử nghiệm xe chở người, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNTX.03	Thử nghiệm xe chở người, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	660
		Mực in	hộp	0,0307
		Mực photo	hộp	0,0047
		Giấy A4	tờ	53
		Bút	cái	0,18
		Pin thay thế định kỳ	cái	0,0256
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0256
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0128
		Dụng cụ đo áp suất	cái	0,0064
		Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió	cái	0,0192
		Rọi	cái	0,0256
		Cọc tiêu	cái	0,1026
		Mề đo dao động	cái	0,0256
		Chân máy đo độ ồn (âm lượng còi)	cái	0,0064
		Tải trọng thử nghiệm	cái	0,0128
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,1375
		Đăng kiểm viên	công	4,3813
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Cân điện tử	ca	0,5
		Thiết bị đo dao động + laptop	ca	0,125
		Máy đo độ ồn	ca	0,0938
		Thiết bị thử phanh	ca	0,0938
		Thiết bị thử góc lật ngang tĩnh	ca	0,25
		Hao phí khác		

TNPO.01 Thử nghiệm đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.01	Thử nghiệm đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Mực in	hộp	0,036
		Mực photo	hộp	0,004
		Giấy A4	tờ	60
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0137
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0069
		Xe đẩy	cái	0,0069
		Đồ gá đa năng	cái	0,1
		Thước cặp mỏ dài 500 mm	cái	0,0034
		Đồng hồ đo điện vạn năng	cái	0,0034
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	1,3938
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử nghiệm đặc tính quang học đèn CSPT	ca	0,5625
		Thiết bị đo màu sắc ánh sáng đèn CSPT	ca	0,0938
		Thiết bị đo hàm lượng màu đỏ phát ra từ đèn LED của đèn CSPT	ca	0,0938
		Bộ nguồn DC công suất lớn QJE QJ 8050 XT	ca	1,75
		Hao phí khác		

TNPO.02 Thử nghiệm gương dùng cho xe ô tô

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.02	Thử nghiệm gương dùng cho xe ô tô	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Mực in	hộp	0,016
		Mực photo	hộp	0,004
		Bóng chuẩn thay thế định kỳ	cái	0,02
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0195
		Kính bảo hộ	cái	0,0585
		Xe đẩy	cái	0,0098
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	2,0313
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Đồng hồ so điện tử 543-390B	ca	0,4375
		Thiết bị đo hệ số phản xạ gương	ca	0,4375
		Hao phí khác		

TNPO.03 Thử nghiệm kính an toàn của xe ô tô*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.03	Thử nghiệm kính an toàn của xe ô tô	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	1069,5
		Mực in	hộp	0,036
		Mực photo	hộp	0,004
		Giấy A4	tờ	60
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0103
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0051
		Xe kích nâng 1 tấn	cái	0,0129
		Xe đẩy	cái	0,0051
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	29,975
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Điều hòa (điều kiện TN)	ca	7
		Thiết bị kiểm tra độ bền cơ học kính an toàn bằng chùy thử và bi thép	ca	0,3125
		Thiết bị thử nghiệm độ méo quang học	ca	0,0625
		Thiết bị thử nghiệm độ truyền sáng	ca	0,125
		Thiết bị thử nghiệm độ mài mòn	ca	0,0938
		Thiết bị thử nghiệm độ phân tách hình ảnh thứ cấp	ca	0,125
		Thiết bị thử nghiệm độ chịu ẩm	ca	42
		Thiết bị thử độ chịu nhiệt độ cao	ca	0,3125
		Hao phí khác		

TNPO.04 Thử nghiệm lớp hơi dùng cho ô tô

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.04	Thử nghiệm lớp hơi dùng cho ô tô	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	2937,5
		Dầu đi-ê-zen	lít	2,24
		Mực in	hộp	0,02
		Giấy A4	tờ	34
		Súng bắn bu lông (hơi)	bộ	0,0022
		Máy nén khí	cái	0,007
		Xe kích nâng 1 tấn	cái	0,0043
		Xe đẩy	cái	0,0122
		Dụng cụ đo áp suất	cái	0,0026
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	4,4313
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử lớp	ca	5,875
		Ô tô vận chuyển mẫu thử	ca	0,05
		Hao phí khác		

TNPO.05 Thử nghiệm thùng nhiên liệu xe ô tô

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.05	Thử nghiệm thùng nhiên liệu xe ô tô	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Dầu đi-ê-zen	lít	2,24
		Mực in	hộp	0,0147
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0345
		Mũ bảo hộ	cái	0,0517
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0172
		Xe kích nâng 1 tấn	cái	0,0431
		Xe đẩy	cái	0,0172
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	1,7688
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử nghiệm độ bền va chạm	ca	0,0625
		Ô tô vận chuyển mẫu thử	ca	0,05
		Hao phí khác		

TNPO.06 Thử nghiệm vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.06	Thử nghiệm vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	48
		Khí đốt cho thử nghiệm (ga...)	kg	0,1552
		Mực in	hộp	0,036
		Mực photo	hộp	0,004
		Giấy A4	tờ	60
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0172
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0086
		Xe đẩy	cái	0,0086
		Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	cái	0,0388
		Tủ lưu hồ sơ	cái	0,015
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	1,5625
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Điều hòa (điều kiện TN)	ca	6
		Thiết bị xác định tốc độ cháy của vật liệu theo phương ngang	ca	0,1875
		Thiết bị xác định đặc tính nóng chảy của vật liệu	ca	0,3
		Thiết bị xác định tốc độ cháy của vật liệu theo phương thẳng đứng	ca	0,1125
		Hao phí khác		

TNPO.07 Thử nghiệm vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPO.07	Thử nghiệm vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	1449
		Mực in	hộp	0,016
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0274
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0137
		Cờ lê lực điện tử	bộ	0,0205
		Máy nén khí	cái	0,0205
		Xe đẩy	cái	0,0137
		Dụng cụ đo áp suất	cái	0,0068
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	3,5
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử môi góc vành CFT-3	ca	0,375
		Thiết bị thử môi hướng tâm vành RFT-2A	ca	3
		Thiết bị thử va đập vành ITM-2	ca	0,125
		Hao phí khác		

TNPX.01 Thử nghiệm động cơ xe mô tô, xe gắn máy*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.01	Thử nghiệm động cơ xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Xăng	lít	1,5
		Dầu đi-ê-zen	lít	2,24
		Mực in	hộp	0,0227
		Giấy A4	tờ	35
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,026
		Bịt tai bảo hộ	cái	0,0519
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,013
		Xe đẩy	cái	0,013
		Dụng cụ đo áp suất khí quyển	cái	0,0195
		Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	cái	0,0195
		Đồ gá thử nghiệm động cơ	cái	0,2
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	1,3563
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử đặc tính ngoài của động cơ	ca	0,2813
		Ô tô vận chuyển mẫu thử	ca	0,05
		Hao phí khác		

TNPX.02 Thử nghiệm khung xe mô tô, xe gắn máy*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.02	Thử nghiệm khung xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	704,9
		Dầu đi-ê-zen	lít	2,24
		Mực in	hộp	0,0153
		Mực photo	hộp	0,015
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,019
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0095
		Xe kích nâng 1 tấn	cái	0,0143
		Xe đẩy	cái	0,0095
		Đồ gá kiểm tra độ bền khung với tải trọng động	cái	0,02
		Đồ gá kiểm tra độ bền khung	cái	0,01
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	4,275
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị kiểm tra độ bền khung với tải trọng động	ca	4
		Thiết bị kiểm tra độ bền khung với tải trọng tĩnh	ca	0,0625
		Thiết bị đo độ dày kim loại bằng siêu âm	ca	0,0625
		Ô tô vận chuyển mẫu thử	ca	0,05
		Hao phí khác		

TNPX.03 Thử nghiệm gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.03	Thử nghiệm gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Mực in	hộp	0,016
		Mực photo	hộp	0,004
		Phụ tùng thay thế định kỳ Bóng chuẩn	cái	0,02
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0195
		Xe đẩy	cái	0,0098
		Dụng cụ đo áp suất khí quyển	cái	0,0146
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	2,1563
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị đo hệ số phản xạ gương	ca	0,125
		Hao phí khác		

TNPX.04 Thử nghiệm vành bánh xe mô tô, xe gắn máy*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.04	Thử nghiệm vành bánh xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Mực in	hộp	0,0147
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,004
		Máy nén khí	cái	0,0012
		Xe đẩy	cái	0,004
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	9,125
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử khả năng chịu tải trọng hướng kính HDT400 (Thiết bị đo tải trọng)	ca	3
		Thiết bị thử mô men xoắn vành xe máy T2Q100	ca	6
		Hao phí khác		

TNPX.05 Thử nghiệm ắc quy chì- a xít, lithium- ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.05	Thử nghiệm ắc quy chì- a xít, lithium- ion dùng cho xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	70,5
		Mực in	hộp	0,016
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,037
		Kính bảo hộ	cái	0,0556
		Mũ bảo hộ	cái	0,0556
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0185
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	1,4188
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Điều hòa (điều kiện TN)	ca	8,8125
		Thiết bị đo dung lượng, phóng điện	ca	0,5
		Thiết bị thử rung động	ca	0,0625
		Thiết bị nạp ắc quy	ca	5
		Hao phí khác		

TNPX.06 Thử nghiệm lớp hơi xe mô tô, xe gắn máy*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.06	Thử nghiệm lớp hơi xe mô tô, xe gắn máy	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	48
		Mực in	hộp	0,0213
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0032
		Máy nén khí	cái	0,0048
		Xe đẩy	cái	0,0032
		Dụng cụ đo áp suất	cái	0,0016
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	0,8125
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị thử nghiệm độ bền, thử nghiệm tải trọng tốc độ lớp hơi xe mô tô, xe gắn máy	ca	0,9375
		Thiết bị thử phòng ly tâm	ca	0,0938
		Hao phí khác		

TNPX.07 Thử nghiệm động cơ xe mô tô điện, xe gắn máy điện

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.07	Thử nghiệm động cơ xe mô tô điện, xe gắn máy điện	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Mực in	hộp	0,0187
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0412
		Kính bảo hộ	cái	0,0619
		Mũ bảo hộ	cái	0,0619
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,0206
		Xe đẩy	cái	0,0206
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	1,9
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Thiết bị đo công suất động cơ điện/GW	ca	0,3688
		Nguồn thử nghiệm cho động cơ xe mô tô, xe gắn máy điện	ca	0,3688
		Hao phí khác		

TNPX.08 Thử nghiệm ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện*Thành phần công việc:*

- Tiếp nhận đăng ký thử nghiệm và mẫu thử
- Chuẩn bị thử nghiệm
- Tiến hành thử nghiệm
- Đánh giá kết quả thử nghiệm và lập báo cáo thử nghiệm
- Trả báo cáo thử nghiệm và mẫu thử; Lưu hồ sơ đăng kiểm

Đơn vị: 01 hồ sơ đăng ký thử nghiệm

Mã hiệu định mức	Tên định mức	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
TNPX.08	Thử nghiệm ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện	Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, phụ tùng thay thế, dụng cụ lao động		
		Điện năng	kW.h	38
		Mực in	hộp	0,036
		Mực photo	hộp	0,004
		Giấy A4	tờ	60
		Quần áo bảo hộ lao động	bộ	0,0519
		Kính bảo hộ	cái	0,0779
		Mũ bảo hộ	cái	0,0779
		Dụng cụ cơ khí cầm tay	bộ	0,026
		Xe đẩy	cái	0,026
		Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	cái	0,039
		Nhân công		
		Phụ trách bộ phận thử nghiệm	công	0,0438
		Đăng kiểm viên	công	4,8875
		Nhân viên nghiệp vụ	công	0,05
		Phương tiện, máy móc, thiết bị		
		Điều hòa (điều kiện TN)	ca	4,75
		Thiết bị đo dung lượng, phóng điện	ca	0,375
		Thiết bị thử rung động	ca	0,5
		Thiết bị thử ngâm nước	ca	2,75
		Thiết bị thử thả rơi	ca	0,1875
		Thiết bị thử chèn ép đơn thể ắc quy	ca	0,0625
		Hao phí khác		